

Bản án số: 34 /2018/KDTM - ST

Ngày: 20 tháng 11 năm 2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thanh Phúc**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Xoa**

2. Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt**

- *Thư ký phiên tòa :* Bà **Trần Thị Tuyết Nhung** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 63/2018/TLST-KDTM ngày 16 tháng 08 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST- KDTM ngày 03 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2018/QĐST - KDTM ngày 17 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2018/QĐST – KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Công ty cổ phần A. Trú sở: Đường M, quận P, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Anh H – chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thành Nh – chức vụ: Trưởng bộ phận pháp chế công ty (Giấy ủy quyền số: 443/UQ – KKMT lập ngày 10/09/2018) (Có mặt).

* Bị đơn: Công ty TNHH B. Địa chỉ: Đường M, phường N, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Hữu Q, Chức vụ: Giám đốc công ty (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi tới Tòa án ngày 26/07/2018, trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành Nh trình bày:

Ngày 01/03/2017 Công ty cổ phần A tại Đắc Lắc và công ty TNHH B có ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 17/KKMT – QH về việc mua bán sắt thép các loại.

Thực hiện hợp đồng, theo yêu cầu của Công ty TNHH B thì từ ngày 12/04/2017 đến ngày 27/06/2017 chi nhánh Công ty cổ phần A tại Đắc Lắc đã giao hàng đúng cho Công ty TNHH B với tổng giá trị 1.179.393.875 đồng. Tính đến ngày 10/11/2017 Công ty TNHH B đã thanh toán cho công ty chúng tôi số tiền 700.000.000 đồng, còn lại số tiền chưa thanh toán là 479.393.875 đồng. Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/03/2013 Công ty TNHH B xác nhận còn nợ Công ty cổ phần A số tiền 500.000.000 đồng, trong đó nợ gốc: 479.393.875 đồng, lãi chậm trả 20.606.125 đồng. Công ty cổ phần A đã nhiều lần yêu cầu Công ty TNHH B phải trả số tiền trên nhưng đến nay Công ty TNHH B vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Do chậm thanh toán nên công ty TNHH B còn phải trả cho công ty chúng tôi số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/04/2018 đến ngày 09/6/2018 là 10.500.000 đồng. Tổng cộng Công ty cổ phần A yêu cầu Công ty TNHH B phải trả số tiền 510.500.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, thì phía bị đơn Công ty TNHH B đã trả cho Công ty cổ phần A số tiền gốc: 200.000.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH B trả số tiền còn lại 300.000.000 đồng, trong đó, nợ gốc là 279.393.875 đồng, lãi chậm trả là 20.606.125 đồng. Đối với số tiền lãi phát sinh theo như đơn khởi kiện trước đây Công ty cổ phần A xin rút yêu cầu và không yêu cầu về lãi.

*** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có mặt, tuy nhiên vào ngày 04/09/2018 bị đơn Công ty TNHH B có bản trình bày ý kiến gửi Tòa án với nội dung trình bày như sau:**

Công ty TNHH B nhận hợp đồng thi công nhà máy đường Esup – Đắc Lắc nên có hợp đồng mua bán vật tư sắt với Công ty cổ phần A. Do nhà máy đường làm thủ tục kiểm toán trước nên chậm thanh toán với các nhà thầu trong đó có cả Công ty TNHH B. Theo hợp đồng mua bán thép giữa Công ty TNHH B và Công ty cổ phần A có ghi rõ hình thức thanh toán là sau 35 ngày, bên A sẽ chịu tiền lãi theo ngân hàng. Đồng chí Lê Hồng Việt có trao đổi với Công ty TNHH B làm hợp đồng thanh toán tay 3 giữa Công ty cổ phần A vào thanh toán trực tiếp với nhà máy đường Esup – Đắc Lắc để lấy số nợ trên 500.000.000 đồng. Công ty TNHH B có làm việc ủy quyền cho đồng chí Lê Hồng V – giám đốc vào thanh toán trực tiếp với nhà máy đường nên Công ty không để ý số nợ trên. Công ty cổ phần không có ý kiến gì hoặc không có văn bản nào tới Công ty TNHH B về số nợ trên.

Nếu Công ty cổ phần A không có thanh toán được với nhà máy đường thì Công ty TNHH B vẫn chịu tiền lãi theo ngân hàng và theo hợp đồng hai bên đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH B trả số tiền còn lại 300.000.000 đồng, trong đó, nợ gốc là 279.393.875 đồng, lãi chậm trả là 20.606.125 đồng cho Công ty cổ phần A. Công ty không yêu cầu tính lãi chậm trả phát sinh.

Mặc dù quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt, nhưng tại bản trình bày gửi Tòa án gửi ngày 04/09/2018 phía bị đơn Công ty TNHH B thừa nhận về hợp đồng ký kết với Công ty cổ phần A và xác nhận về khoản nợ còn nợ. Tuy nhiên, Công ty TNHH B có làm việc ủy quyền cho đồng chí Lê Hồng V – giám đốc vào thanh toán trực tiếp với nhà máy đường nên Công ty không để ý số nợ trên. Nếu Công ty cổ phần A không có thanh toán được với nhà máy đường thì Công ty TNHH B vẫn chịu tiền lãi theo ngân hàng và theo hợp đồng hai bên đã ký.

Xét yêu cầu của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 01/03/2017 Công ty cổ phần A tại Đắc Lắc và công ty TNHH B có ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 17/KKMT – QH về việc mua bán sắt thép các loại. Đơn giá thanh toán ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng trên cơ sở xác nhận của hai bên tại đơn đặt hàng/báo giá từng thời điểm.

Thực hiện hợp đồng, từ ngày 12/04/2017 đến ngày 27/06/2017 chi nhánh Công ty cổ phần A tại Đắc Lắc đã giao hàng cho Công ty TNHH B với tổng giá trị 1.179.393.875 đồng. Tính đến ngày 10/11/2017 Công ty TNHH B đã thanh toán cho Công ty cổ phần A số tiền 700.000.000 đồng, còn lại số tiền chưa thanh toán là 479.393.875 đồng. Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/03/2013 Công ty TNHH B xác nhận còn nợ Công ty cổ phần A số tiền 500.000.000 đồng, trong đó nợ gốc: 479.393.875 đồng, lãi chậm trả 20.606.125 đồng.

Về nghĩa vụ chậm thanh toán. Căn cứ vào khoản 3 Điều 3 của hợp đồng có quy định: “ *Bên B đồng ý cho bên A chậm thanh toán tiền hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản giao nhận hàng hóa với mức dư không vượt quá 500.000.000 đồng. Để được hưởng thời gian thanh toán này thì bên A phải thanh toán đúng thời hạn cho bên B. Nếu đến ngày thứ 35 (Kể từ ngày giao nhận hàng) bên A chưa thanh toán cho bên B thì bên A sẽ chịu lãi suất quá hạn của ngân hàng Vietcombank Việt Nam – CN quy định”*. Như vậy, tính đến nay Công ty TNHH B chưa thanh toán tiền hàng đầy đủ cho Công ty cổ phần A là đã vi phạm nghĩa vụ đã cam kết nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty TNHH B trả số tiền còn lại 300.000.000 đồng, trong đó, nợ gốc

là 279.393.875 đồng, lãi chậm trả là 20.606.125 đồng.

Đối với trình bày của bị đơn cho rằng Công ty TNHH B có làm làm hợp đồng thanh toán tay ba giữa Công ty cổ phần A vào thanh toán trực tiếp với nhà máy đường Esup – Đắc Lắc để lấy số nợ trên 500.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên án phí Kinh doanh thương mại: 15.000.000 đồng Công ty TNHH B phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 50 Luật thương mại; Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc " Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" của Công ty cổ phần A đối với Công ty TNHH B.

Xử:

1. Buộc Công ty TNHH B phải thanh toán cho Công ty cổ phần A tổng số tiền: 300.000.000 đồng. Trong đó, nợ gốc là 279.393.875 đồng, lãi chậm trả là 20.606.125 đồng.

2. Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty TNHH B phải chịu là 15.000.000 đồng.

3. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm cho Công ty cổ phần A đã nộp là: 12.200.000 đồng theo biên lai thu số 0003651 ngày 15.08.2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Thanh Phúc